

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 02 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Trần Văn Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống ông bà không hòa thuận, hạnh phúc do không hòa hợp tính tình, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm, không chăm sóc vợ con, có hành vi bạo lực với bà, từ đó bà và ông T thường hay cãi vã với nhau do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, bà và ông T đã ly thân từ tháng 8 năm 2024. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thanh T1, sinh năm 2003 và Trần Trung H, sinh năm 2004, các con đều đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường, có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà P về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống ông bà có mâu thuẫn cãi vã nhau, ông có đánh bà P vài lần nhưng thời gian đã lâu, hai bên gia đình có hòa giải, nay ông không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn để vợ chồng cùng nuôi con.

- Về con chung: Thống nhất với ý kiến nguyên đơn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, ông yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng, do nợ nhiều khoản và nhiều chủ nợ nên ông sẽ cung cấp danh sách chủ nợ cho Tòa án sau khi hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà P và ông T chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo bà P xác định quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, ông T có bạo lực với bà và ông bà đã ly thân từ tháng 8 năm 2024, từ đó bà yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn và thừa nhận có đánh bà P vài lần tuy nhiên ông muốn hàn gắn.

Tại phiên tòa, bà P cương quyết ly hôn và xác định trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà cũng không thể trở về sống với ông T được, đối với ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được cách thức để vợ chồng hàn gắn, qua các lần Tòa án triệu tập xét xử ông đều vắng mặt cho thấy ông không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho bà P được ly hôn với ông T là phù hợp và đúng quy định.

[4] Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận; Về nợ chung: Bà P xác định không có, quá trình giải quyết vụ án ông T có yêu cầu phân chia nợ chung, Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp họ tên, địa chỉ của các chủ nợ nhưng ông T không thực hiện, do đó không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông T; Trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Ngọc P được ly hôn với ông Trần Minh T.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003925 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

